

Mg, Phó trưởng phòng Phòng tài nguyên môi trường.

Ông Nguyễn H, Giám đốc BQLDA đầu tư xây dựng.

Ông Nguyễn Ho, Trưởng phòng GPMB ban QLDA đầu tư xây dựng.

Bà Tạ Thu P, Chuyên viên BQLDA đầu tư xây dựng.

Ông Nghiêm X, Chuyên viên BQLDA đầu tư xây dựng.

Đều vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Z. Vắng mặt. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H (văn bản ủy quyền số 100/GUQ-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố H). Vắng mặt, có văn bản số 2081/UBND-BTCD ngày 07/7/2023 đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Anh Minh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z, Thành phố H. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị A1 có căn nhà mang số 36 đường X, phường Y, quận Z, thành phố H thuộc sở hữu hợp pháp. Toàn bộ căn nhà thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện *Dự án xây dựng đường vành đai*.

Ngày 15/4/2020, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) quận Z ban hành Quyết định số 1075/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông bà Phạm Trung Hậu – Lê Thị A1 tại địa chỉ số 36 đường X, phường Y, quận Z để thực hiện Dự án nội dung: Thu hồi toàn bộ đất ở 71,8m² đất (Vị trí 1) của hộ gia đình và Quyết định số 1088/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông A ; UBND quận phê duyệt bổ sung thêm tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản cho hộ gia đình tại các Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 và Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 về việc phê duyệt bổ sung phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Về giá đất ở, cả 03 Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung, đều chỉ áp giá bồi thường về đất ở cho hộ gia đình với giá đất căn cứ Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND thành phố H về việc ban hành về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở để xác định giá đất làm

căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án cho hộ gia đình với giá đất bằng giá đất tại Vị trí 1 đường X (đoạn từ ngã 3 đến Đ) có hệ số điều chỉnh giá đất là 2,1344 lần nhân với giá đất quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND thành phố H “Về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố H áp dụng từ 01/01/2015 đến 31/12/2019” - tương ứng giá đất cụ thể là 85.376.000đồng/m² để làm cơ sở bồi thường đất ở cho hộ gia đình.

Không nhất trí với phương án đã được phê duyệt tại các Quyết định nêu trên, hộ gia đình đã có đơn khiếu nại về 3 nội dung, trong đó có nội dung yêu cầu áp giá bồi thường, hỗ trợ bằng hệ số K nhân với bảng giá Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H “Về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố H áp dụng từ 01/01/2020 đến 31/12/2025” do Quyết định này đã thay thế Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 (Quyết định 30/2019/QĐ-UBND thì đất ở của hộ gia đình được quy định là 96.600.000đồng/m²).

Tại Quyết định số 2916/QĐ-UBND Ngày 17/9/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông A (lần đầu) của Chủ tịch UBND quận Z và Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông A (lần hai) của Chủ tịch UBND thành phố H, đều không chấp nhận 3 nội dung khiếu nại của ông A .

Ngày 03/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị A1 yêu cầu Hủy Quyết định số 1088/QĐ-UBND, ngày 15/4/2020 và Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 và Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND quận Z về việc phê duyệt và bổ sung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông A ; Yêu cầu UBND quận Z ban hành Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường theo giá đất mới cho hộ gia đình ông theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành Qui định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố H áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện chỉ đề nghị Tòa án xem xét phần bồi thường về giá đất ở tại phương án phê duyệt và đề nghị xem xét các quyết định có liên quan là Quyết định giải quyết khiếu nại số 2916/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND Quận Z và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1286/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện trình bày lý do khởi kiện:

UBND quận Z căn cứ vào Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND thành phố H để tính giá đất bồi thường làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình, tại thời điểm thu hồi giá đất ở vị trí của hộ gia đình đã tăng khoảng 15%. Trong khi đó, sau gần 19 tháng UBND quận Z mới ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường

với hộ gia đình ông ban hành ngày 15/4/2020. Việc UBND quận Z áp dụng Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố về việc “Ban hành qui định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố H từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019” đã bị thay thế bởi Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H. Do đó, Quyết định số 5151/QĐ-UBND không còn giá trị pháp lý, không được phép áp dụng làm căn cứ bồi thường từ sau ngày 31/12/2019 trở đi.

Chủ tịch UBND quận Z trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện:

Về trình tự thủ tục và căn cứ pháp lý đề UBND quận Z ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai thì giá đất cụ thể để làm căn cứ để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Việc xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ được thực hiện trước thời điểm thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc áp dụng giá đất khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án thực hiện theo Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND Thành phố H đã hướng dẫn, thời điểm UBND quận Z ban hành Quyết định phê duyệt cho hộ gia đình ông A, UBND thành phố chưa ban hành Quyết định nào thay thế.

UBND quận Z đã thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quyết định giá đất cụ thể đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018, Thông báo số 299/TB-VP ngày 09/9/2019 và Thông báo số 136/TB-VP ngày 04/5/2020 đúng quy định và đúng với chỉ đạo của UBND thành phố tại Văn bản số 2290/UBND-KT ngày 09/6/2020.

UBND phường Y cung cấp tài liệu về việc xác định nguồn gốc thửa đất, nhân khẩu sinh sống tại địa chỉ giải phóng mặt bằng. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND quận Z và Chủ tịch UBND Thành phố H cung cấp các tài liệu liên quan nội dung các Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A *trình bày quan điểm giữ nguyên quan điểm đã giải quyết tại các Quyết định giải quyết khiếu nại.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2022/HC-ST ngày 20 và 24/6/2022, Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định: *Căn cứ Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật đất đai 2013; Nghị định 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về giá đất; Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A; bà Lê Thị A1

- Hủy một phần Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND quận Z về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 và Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND quận Z về việc phê duyệt và bổ sung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đối với hộ gia đình ông A phần bồi thường về đất.

Hủy Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND quận Z về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A.

Hủy Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn A.

Buộc UBND Quận Z phải thực hiện lại việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn A; bà Lê Thị A1 theo đúng qui định của pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn, đại diện UBND quận Z, Chủ tịch UBND Thành phố H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 73/2022/HC-ST ngày 20 và 24/6/2022, đều với nội dung: Thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho hộ gia đình ông A thì Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND thành phố H vẫn còn nguyên hiệu lực, không có quyết định nào thay thế, nên UBND quận Z phê duyệt giá đất cụ thể tại Quyết định 5151/QĐ-UBND là đúng. Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, là không phù hợp; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và Quyết định giải quyết khiếu nại đã ban hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện để hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. UBND quận Z và Chủ tịch UBND thành phố H kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự và Hội đồng xét xử, Thư ký đều đảm bảo tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm thu hồi đất và phê duyệt bồi thường về đất, Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc “Ban hành qui định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố H từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019” đã bị thay thế bởi Quyết định số 30/2019/QĐ-

UBND ngày 31/12/2019, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án hành chính, đơn khởi kiện của người khởi kiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 8, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Kháng cáo của UBND quận Z và của Chủ tịch UBND thành phố H hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích quy định của pháp luật, xác định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính bị kiện và Quyết định giải quyết khiếu nại đều bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Nội dung này các đương sự đều thống nhất và đều không nằm trong nội dung khởi kiện; không có kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

[3.1] Hộ gia đình người khởi kiện có nhà ở, đất ở hợp pháp, đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Xem xét quy định của pháp luật về giá đất là căn cứ bồi thường về đất ở, cụ thể là:

Khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Viết bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất*”.

Khoản 3 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*UBND cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể*”.

Điều 114 Luật đất đai 2013 quy định “Bảng giá đất và giá đất cụ thể”, trong đó: Điểm đ khoản 4 “*Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây: đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*”. Khoản 5 Điều 4 Nghị định 44/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai về giá đất (sửa đổi bổ sung tại Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017), quy định “*Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất là phương pháp định giá đất bằng cách sử dụng hệ số điều chỉnh giá đất nhân (x) với giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành*”.

[3.2] Về giá đất để làm căn cứ phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn A:

Ngày 26/9/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5151/QĐ-UBND về việc *phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở để xác định giá đất làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phân lô bằng đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng theo hình thức BT*, nội dung: Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở (với các vị trí đất khác nhau có hệ số điều chỉnh giá đất ở khác nhau) nhân với giá đất ở cùng vị trí quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H (quy định bảng giá đất từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2019).

Ngày 31/12/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND “*về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố H áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024*” thay thế Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 29/12/2014.

Ngày 15/4/2020 UBND quận Z ban hành các quyết định thu hồi đất và thực hiện phê duyệt bồi thường đối với hộ gia đình, thì Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố H đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND. UBND quận Z ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vẫn áp dụng bảng giá đất tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND là không đúng. Yêu cầu của hộ gia đình ông A về việc áp dụng Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy (một phần) các Quyết định phê duyệt (và các Quyết định bổ sung) và Quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (phần liên quan đến giá đất bồi thường) là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Công văn số 2290/UBND-KT ngày 09/6/2020 của UBND Thành phố H có nội dung: *Trong trường hợp phê duyệt giá đất làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã quá 12 tháng kể từ khi ban hành nhưng UBND cấp huyện chưa ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì UBND cấp huyện tổ chức khảo sát kỹ và đánh giá biến động giá đất trên thị trường khu vực, nếu có biến động thì UBND cấp huyện đề xuất xác định lại giá đất làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định*. Tính đến thời điểm ngày 15/4/2020, UBND quận Z ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình người khởi kiện, đã sau hơn 18 tháng tính từ thời điểm ngày 26/9/2018 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5151/QĐ-UBND. UBND thành phố H ban hành Bảng giá đất mới thay thế bảng giá đất cũ để phù hợp với sự biến động của thị trường.

[4] UBND quận Z và Chủ tịch UBND thành phố H kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố H và UBND quận Z, Thành phố H; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2022/HC-ST ngày 20 và 24/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Án phí phúc thẩm: Chủ tịch UBND Thành phố H, UBND quận Z, Thành phố H mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu tiền số 0001059 ngày 12/10/2022 và số 0001110 ngày 19/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 07/9/2023.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại H;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

